

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 / 9 / 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Ph, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 15, khóm B, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Quang V, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 15, khóm B, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Ph có mặt, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ph trình bày:

Bà Ph, ông V tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông V.

Quá trình chung sống vợ chồng bà Ph ông V có 02 con chung tên Phạm Minh H, sinh năm 1990 và Phạm Minh T, sinh năm 1999 (02 con đã trưởng thành) nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Quang V bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn gia đình, bị đơn thừa nhận do có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thiếu nợ nên ông V không về nhà sống liên quan đến bà Ph. Hiện tại ông V vẫn còn tình cảm với bà Ph nên không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bị đơn thống nhất như trình bày của bà Ph và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Ph vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông V nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, con chung tài sản chung, nợ chung như lời trình bày trong quá trình tố tụng và xác định không cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

- Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ph, ông V chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Ph khởi kiện xin ly hôn với lý do ông V vi phạm nghĩa vụ chung thủy của người chồng được thể hiện qua lời thừa nhận của ông V cũng như kết quả xác minh tại địa phương. Do đó, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ph cho bà Ph được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc giấy chứng nhận kết hôn số 48/HT, quyển số 01 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng ông V lại vi phạm nghĩa vụ người chồng trong thời gian chung sống với bà Ph lại có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hơn nữa, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc bà Ph. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph về việc ly hôn với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Minh H, sinh năm 1990 và Phạm Minh T, sinh năm 1999. Đến thời điểm hiện nay hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng không đề cập xem xét giải quyết như theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ph.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim Ph được ly hôn với ông Phạm Quang V.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim Ph phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0007898 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Ph đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Quang V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Giấy chứng nhận kết hôn số 48/HT, quyển số 01, ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Kim Ph có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Quang V vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Ngọc Tiên